

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP

Ngày 31/03/2024	22,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	3.7%	13.5%

DT thuần Q1/24
411
tỷ VNĐ
QoQ: ▼72.0 -14.9%
YoY: ▼43.0 -9.5%

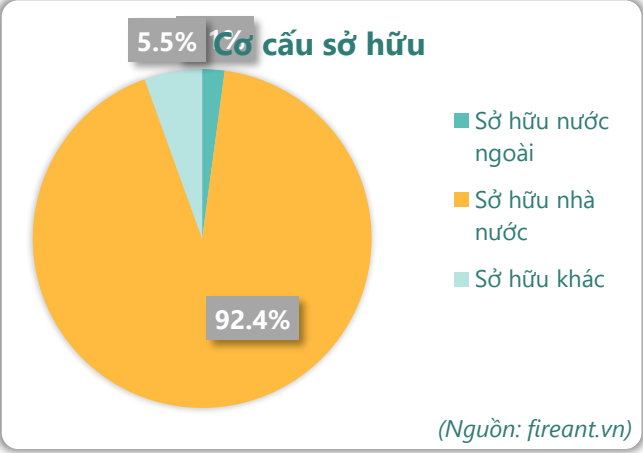
LN thuần Q1/24
24.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.60 -12.9%
YoY: ▲ 13.9 134%

LN sau thuế Q1/24
19.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.80 -12.7%
YoY: ▲ 11.3 137%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
6.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM) Q1/24
23.8%
YoY: +/-▲ 2.6%

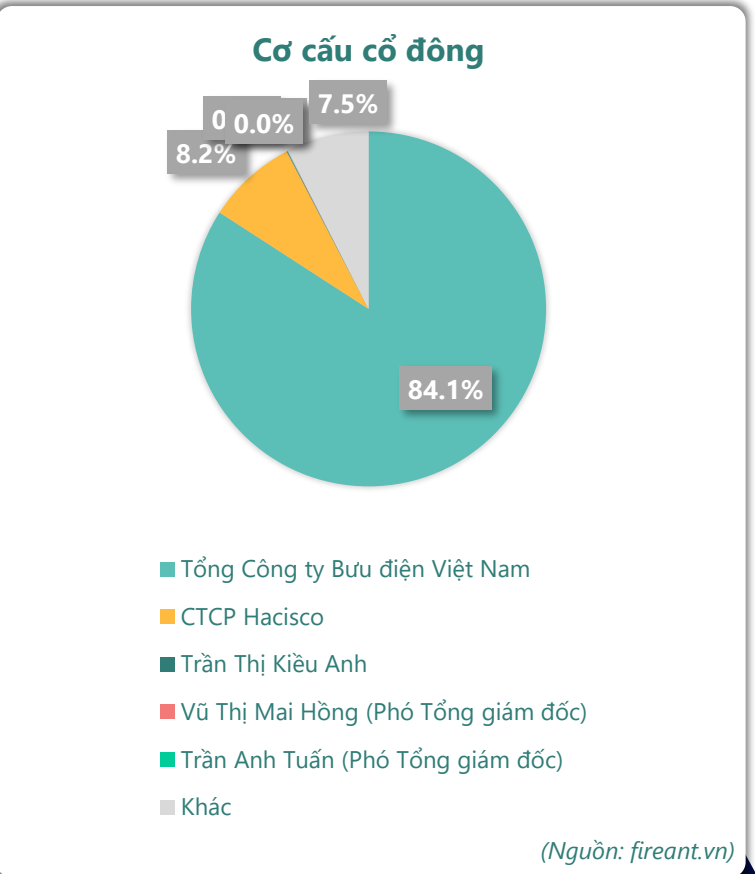
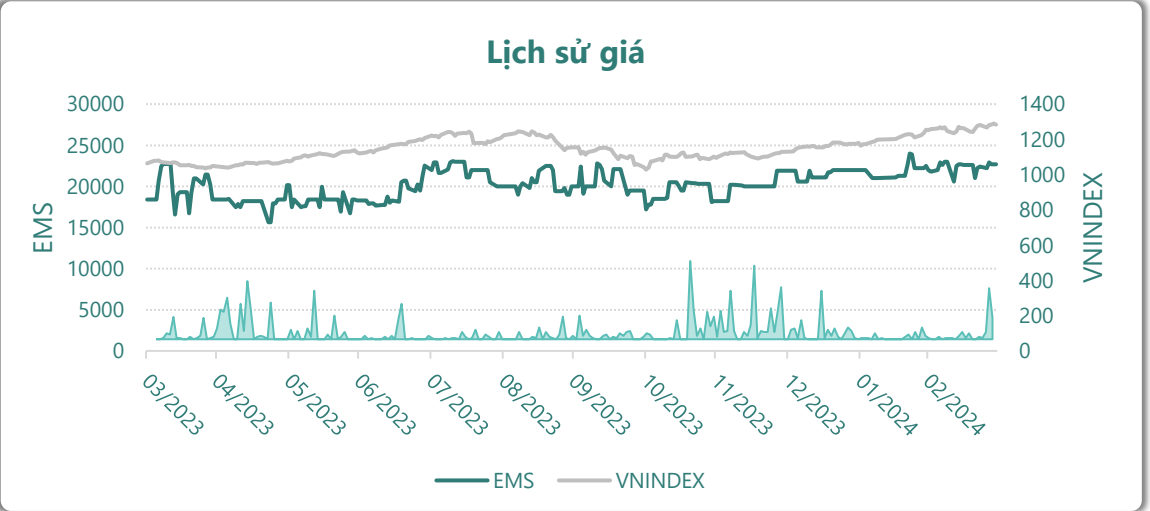
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,640 - 24,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	477
Số lượng CPLH (CP)	20,999,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	459
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	(0.03)
EPS	3,621
P/E	6.3



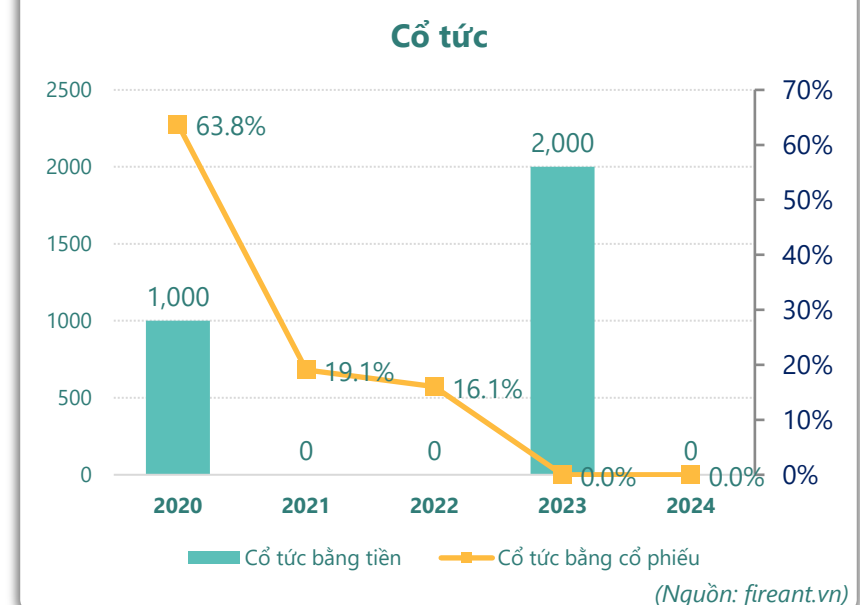
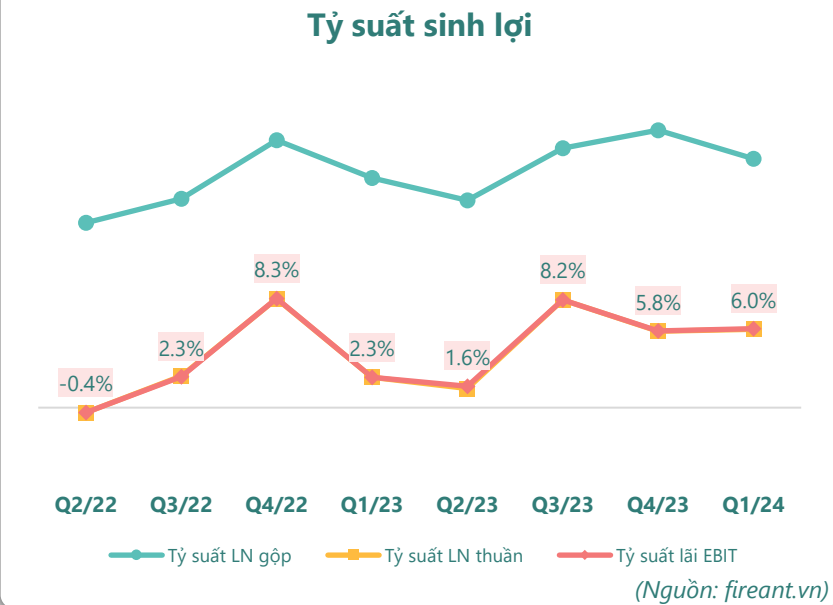
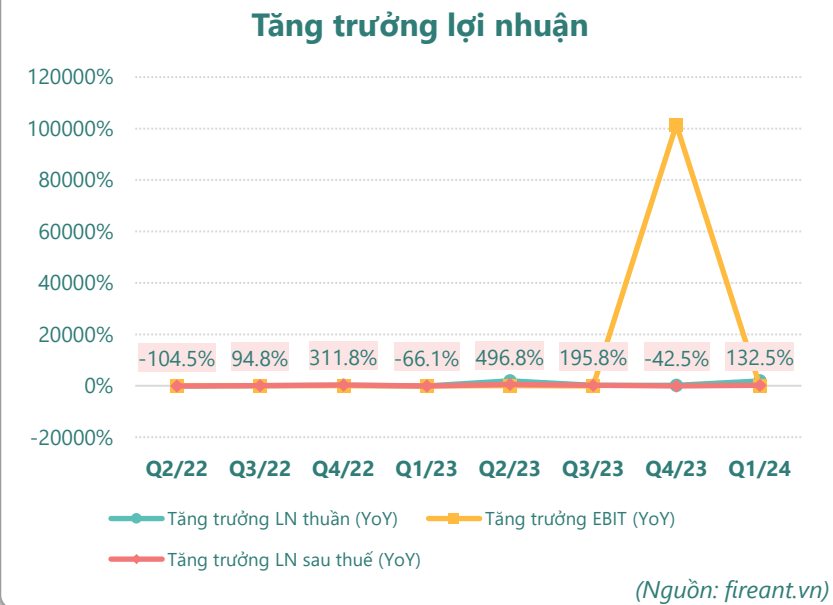
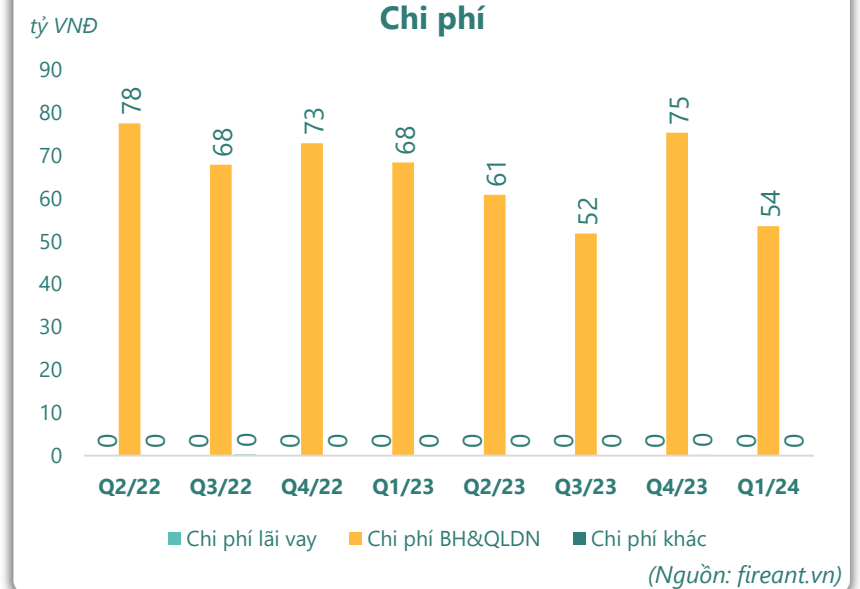
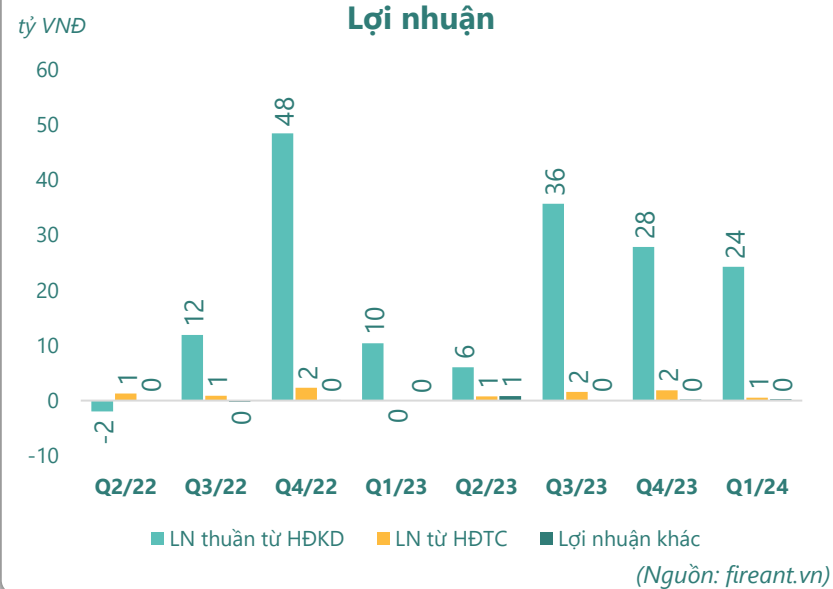
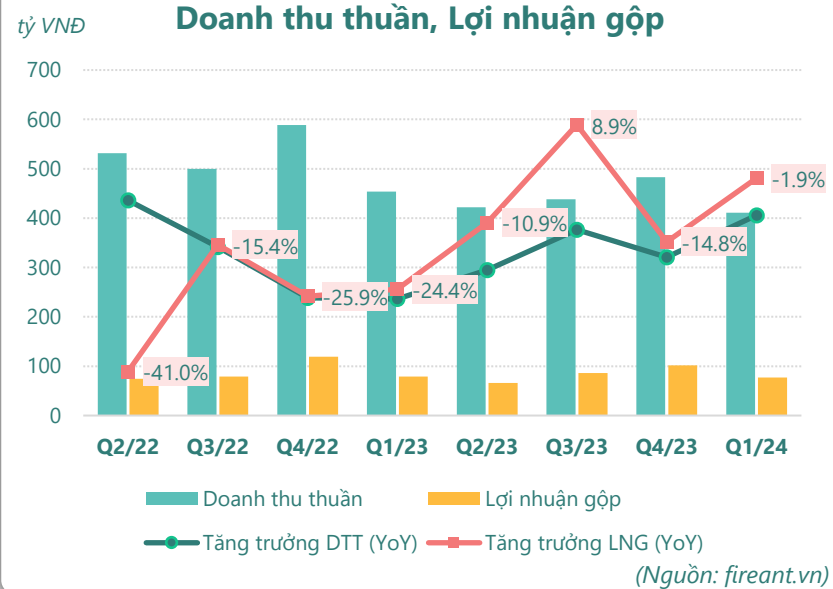
DT thuần 2023
1,797
tỷ VNĐ
YoY: ▼439 -19.6%

LN thuần 2023
80.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.60 -10.6%

LN sau thuế 2023
64.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.60 -9.3%



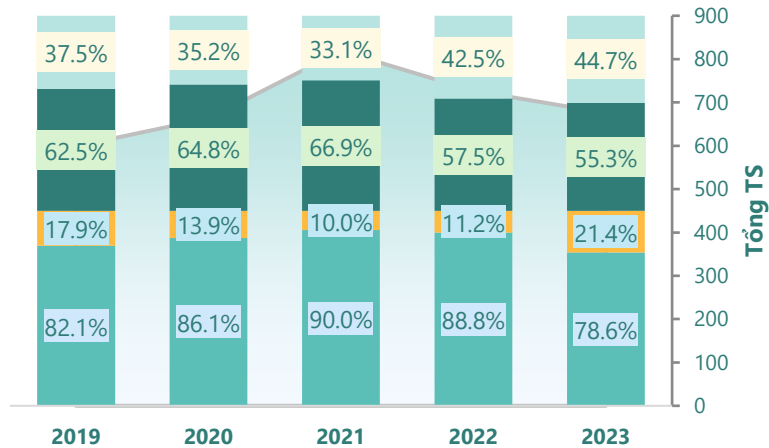
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

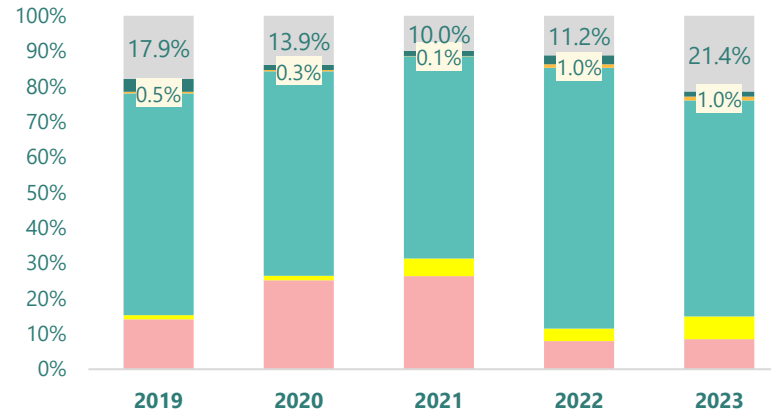
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

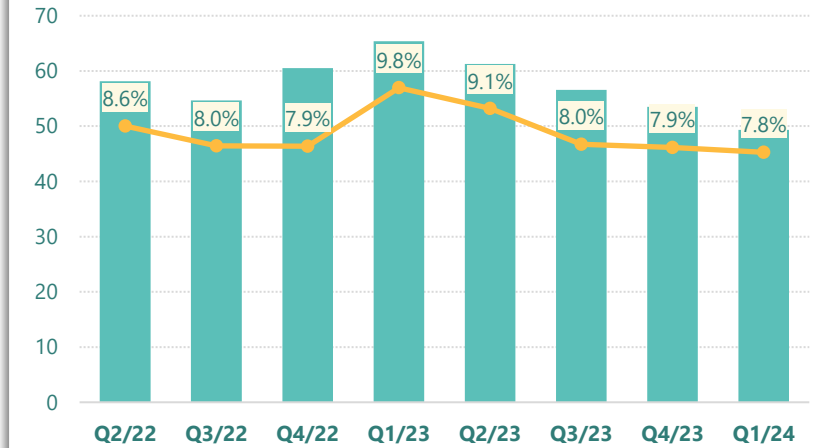


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

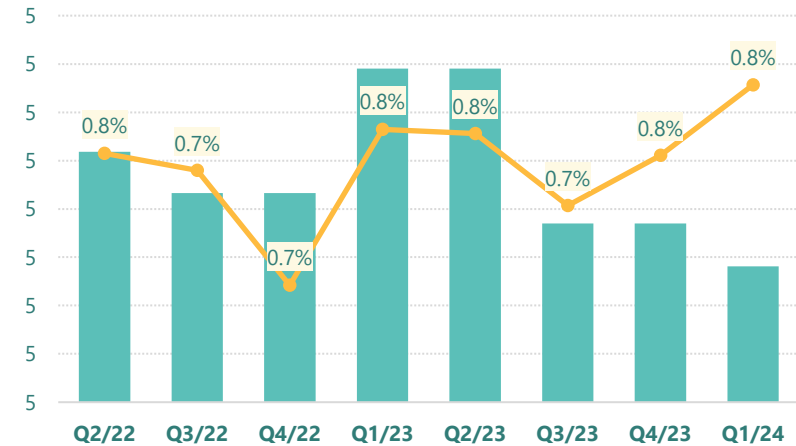


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

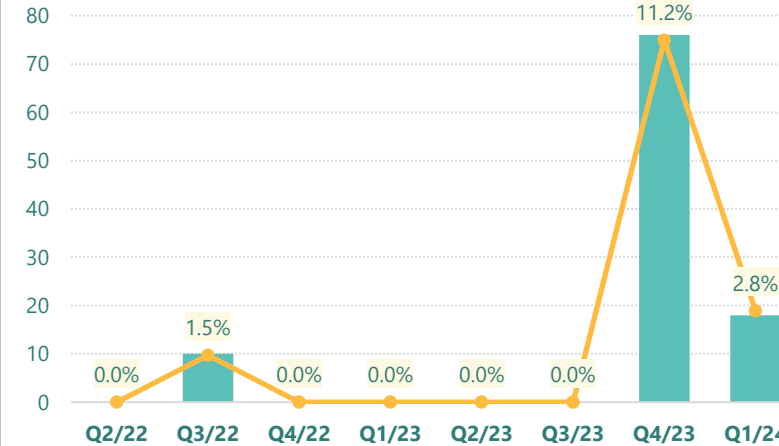


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

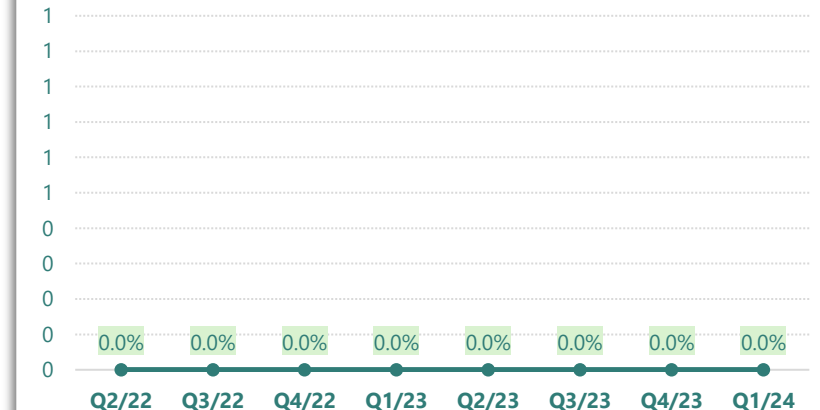


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

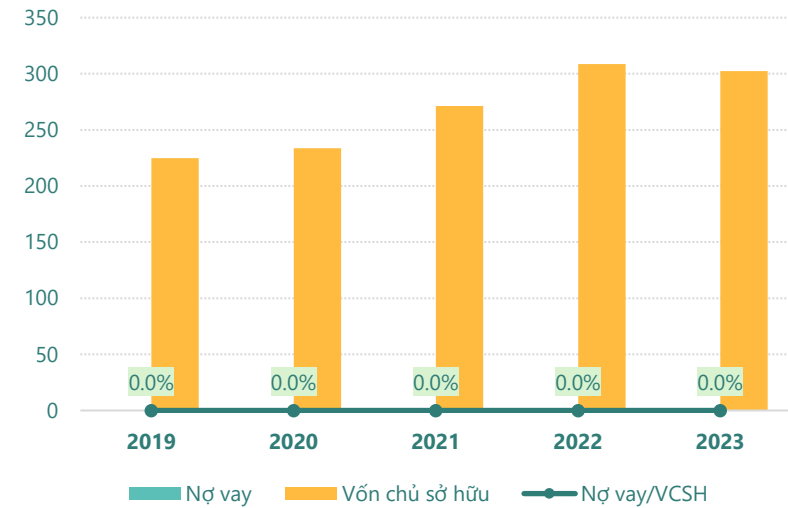
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

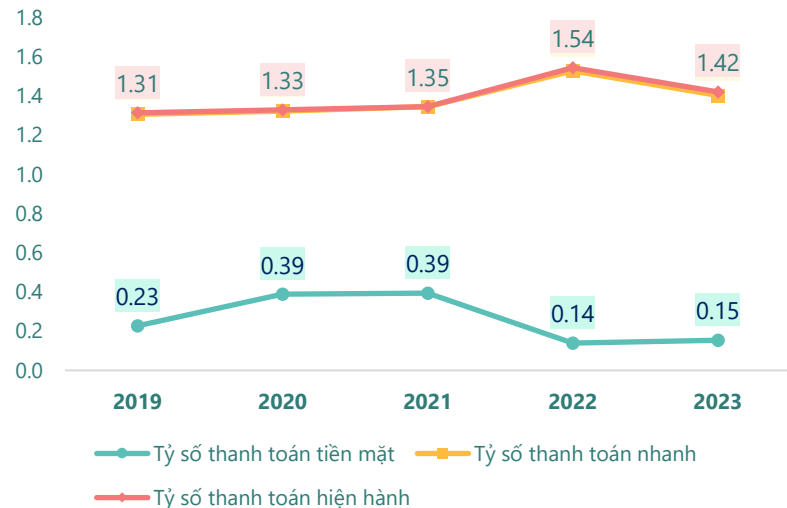
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



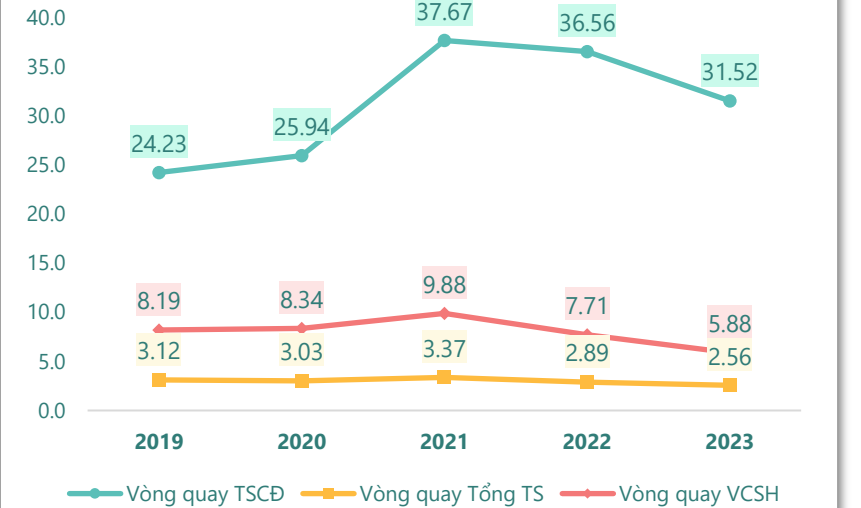
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



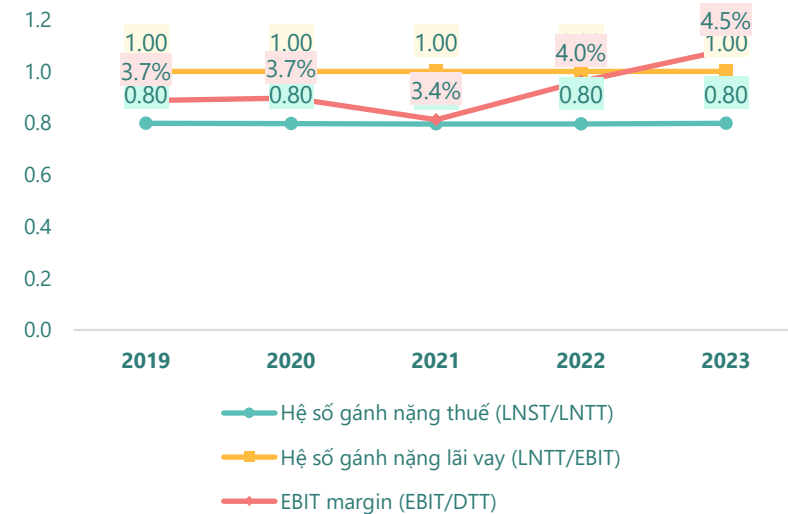
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



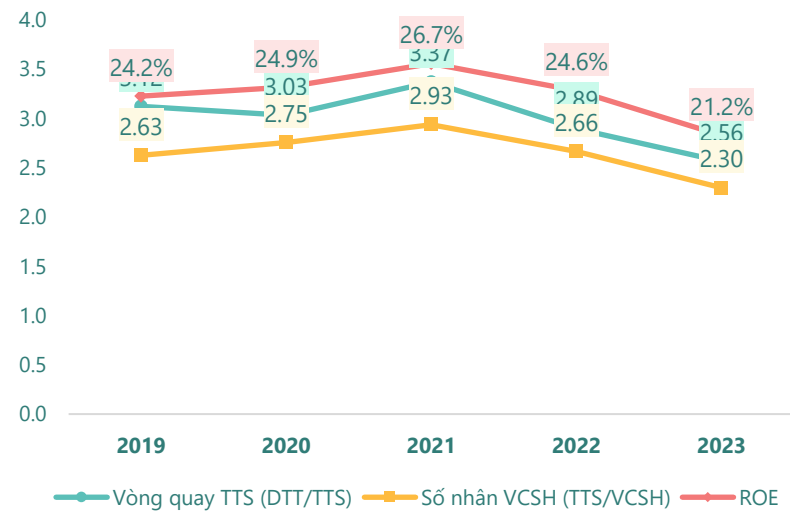
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



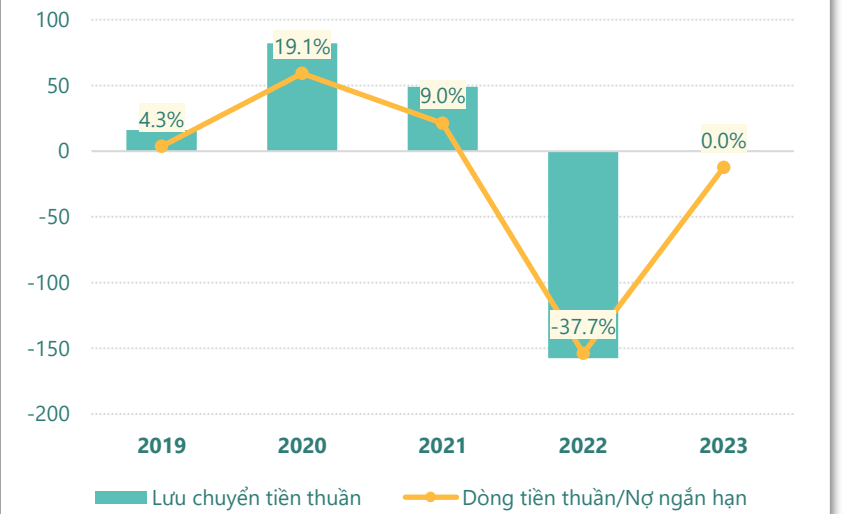
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	411	454	-9.5%	1,797	2,236	-19.6%
Giá vốn hàng bán	334	375	-11.0%	1,467	1,864	-21.3%
Lợi nhuận gộp	77.3	78.8	-1.9%	330	371	-11.1%
Doanh thu HĐTC	0.63	0.07	796%	4.68	7.37	-36.5%
Chi phí TC	0.09	0.08	17.4%	0.66	2.65	-74.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	17.2	25.0	-31.2%	90.5	112	-18.9%
Chi phí QLDN	36.4	43.4	-16.2%	164	175	-6.4%
LN thuần từ HĐKD	24.3	10.4	134%	80.0	89.6	-10.6%
Lợi nhuận khác	0.21	0.01	2041%	1.03	-0.03	3266%
LN trước thuế	24.5	10.4	136%	81.1	89.5	-9.5%
Lợi nhuận sau thuế	19.6	8.27	137%	64.7	71.3	-9.3%
LNST của CĐ cty mẹ	19.6	8.27	137%	64.7	71.3	-9.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-47.8	-8.48	63.5	23.4	56.4	-52.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.8	6.11	-2.11	-0.95	-96.1	57.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-0.03	-0.01	-6.14	-35.4	-0.02
Tiền đầu kỳ	93.6	58.2	55.8	117	133	57.7
Lưu chuyển tiền thuần	-35.0	-2.40	61.4	16.3	-75.1	5.44
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.41	-0.03	0.06	0.14	-0.18	0.09
Tiền cuối kỳ	58.2	55.8	117	133	57.9	63.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	635	676	-6.0%
Tài sản ngắn hạn	544	531	2.3%
Tiền và tương đương tiền	63.3	57.7	9.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.0	43.3	-21.5%
Phải thu ngắn hạn	429	413	3.8%
Hàng tồn kho	7.16	7.08	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	9.96	3.3%
Tài sản dài hạn	91.7	145	-36.6%
Phải thu dài hạn	15.5	15.8	-1.9%
Tài sản cố định	49.3	53.5	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.12	5.12	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	66.0	-72.7%
Tài sản dài hạn khác	3.80	4.24	-10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	314	374	-16.1%
Nợ ngắn hạn	314	374	-16.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	113	122	-7.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	322	302	6.5%
Vốn chủ sở hữu	322	302	6.5%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

